

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TƯ TƯỞNG BIỆN CHỨNG CỦA PH.ĂNGGHEN VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ ĐỐI VỚI THỰC TIỄN VIỆT NAM HIỆN NAY

TRẦN PHÚC THĂNG (*)

Tóm tắt: Ph.Ăngghen đã đưa ra những tư tưởng quan trọng về phép biện chứng. Đó là cơ sở phương pháp luận giúp chúng ta nhận dạng rõ hơn con đường phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng về phép biện chứng của Ph.Ăngghen còn là cơ sở lý luận của con đường phát triển "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa". Trong quá trình phát triển xã hội theo con đường "bỏ qua" ấy, chủ nghĩa xã hội có thể giành được thắng lợi bằng cách chuyển hoá chủ nghĩa tư bản.

Lịch sử loài người khó có thể tìm thấy những tình bạn vĩ đại và cảm động như tình bạn của Mác - Ăngghen. Tình cảm ấy trở nên bền vững vì nó được xây dựng trên cơ sở lý tưởng chung - lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Mặc dù Ph.Ăngghen nhấn mạnh rằng, học thuyết của các ông có quyền mang tên Mác nhưng loài người không bao giờ quên những đóng góp to lớn của Ph. Ăngghen cho việc xây dựng lý thuyết khoa học vĩ đại này. Sự đóng góp của Ph.Ăngghen trong việc xây dựng học thuyết Mác là rất to lớn và trên hầu khắp các lĩnh vực; trong đó, quan trọng nhất là lý luận về phép biện chứng.

Có thể nói, tư tưởng biện chứng của C.Mác đã được trình bày một cách sâu sắc trong nhiều tác phẩm của ông, đặc biệt là trong bộ *Tư bản*. Tuy nhiên, do bận nhiều công việc quan trọng và phải tập trung thời gian cho những nhiệm vụ ưu tiên, C.Mác không có điều kiện để viết những tác phẩm bàn riêng về phép biện chứng. Do yêu cầu của lịch sử và cũng do yêu cầu của C.Mác, Ph.Ăngghen đã nghiên cứu và trình bày phép biện chứng một cách tổng quát, nêu lên những nét cơ bản nhất của học thuyết này. Những tư tưởng về phép

biện chứng được Ph.Ăngghen trình bày tập trung trong *Biện chứng của tự nhiên* (1873 - 1883) và *Chống Duyrinh*.

Điều đầu tiên cần nhấn mạnh là, trước những bước phát triển mới của khoa học tự nhiên và những vấn đề phức tạp của xã hội, Ph.Ăngghen đã xác định rõ tầm quan trọng của phép biện chứng. Ông cho rằng: "... chính phép biện chứng là một hình thức tư duy quan trọng nhất đối với khoa học tự nhiên hiện đại, bởi vì chỉ có nó mới có thể đem lại sự tương đồng và do đó đem lại phương pháp giải thích những quá trình phát triển diễn ra trong giới tự nhiên, giải thích những mối liên hệ phổ biến, những bước quá độ từ một lĩnh vực nghiên cứu này sang một lĩnh vực nghiên cứu khác"(1). Theo Ph.Ăngghen, "chỉ có phép biện chứng mới có thể giúp cho khoa học tự nhiên vượt khỏi những khó khăn về lý luận" và "Trong thực tế, khinh miệt phép biện chứng thì không thể không bị trừng phạt"(2).

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường khoa Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.20. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.488.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.20, tr.489, 508.

Đi vào phân tích phép biện chứng, trước hết Ph.Ăngghen đã phân biệt rạch ròi "biện chứng khách quan" và "biện chứng chủ quan". Theo ông, "Biện chứng gọi là *khách quan* thì chỉ phối trong toàn bộ giới tự nhiên, còn biện chứng gọi là *chủ quan*, tức là tư duy biện chứng, thì chỉ là phản ánh sự chi phối, trong toàn bộ giới tự nhiên, của sự vận động thông qua những mặt đối lập, tức là những mặt, thông qua sự đấu tranh thường xuyên của chúng và sự chuyển hoá cuối cùng của chúng từ mặt đối lập này thành mặt đối lập kia"(3). Tư tưởng đó đã cho thấy, sự chuyển hoá của các mặt đối lập là kết quả tất yếu của sự tác động qua lại giữa chúng, là cái vốn có của hiện thực khách quan. Dựa trên cơ sở này, Ph.Ăngghen đưa ra định nghĩa cho rằng, phép biện chứng duy vật là khoa học về mối liên hệ phổ biến.

Khi phê phán phương pháp tư duy siêu hình, Ph.Ăngghen cho rằng, nhà siêu hình học "suy nghĩ bằng những sự tương phản hoàn toàn trực tiếp"; rằng, "đối với họ thì sự vật hoặc là tồn tại hoặc là không tồn tại; một sự vật không thể vừa là bản thân nó lại vừa là một sự vật khác. Cái khẳng định và cái phủ định tuyệt đối bài trừ lẫn nhau; nguyên nhân và kết quả cũng đối lập hẳn với nhau"(4). Đồng thời, ông đưa ra hàng loạt các dẫn chứng trong khoa học tự nhiên để luận chứng rằng, sự phân biệt giữa các mặt đối lập chỉ là tương đối, rằng chúng hoàn toàn có thể chuyển hoá lẫn nhau. Ph.Ăngghen viết: "Tính đồng nhất và tính khác biệt - tính tất yếu và tính ngẫu nhiên - nguyên nhân và kết quả - đó là những đối lập chủ yếu, những đối lập, nếu xét một cách riêng rẽ, thì sẽ chuyển hoá lẫn nhau"(5).

Ngay cả trong lĩnh vực toán học, hình như không có gì vững chắc hơn là sự khác nhau giữa bốn phép tính như cộng, trừ, nhân, chia. Vậy mà, trên thực tế, những khác biệt của chúng cũng rất tương đối. Bởi vì "phép nhân chỉ là phép cộng rút

gọn lại", còn "phép chia là một phép trừ thu gọn của một số lượng nhất định những số bằng nhau". Đặc biệt, trong đại số, mọi phép trừ có thể viết thành phép cộng và ngược lại; phép chia có thể biểu thị bằng một phép nhân, một lũy thừa có thể biểu thị bằng một căn thức và ngược lại

$$\left(\frac{a}{b} = ax \frac{1}{b}, x^2 = \sqrt{x^4}\right).$$

Vì vậy, trong thực tế, hoàn toàn không có sự khác biệt tuyệt đối của các mặt đối lập. Đây là những tư tưởng quan trọng bậc nhất của Ph.Ăngghen về phép biện chứng nói chung và của mâu thuẫn biện chứng nói riêng. Thật ra, trước đây, các nhà triết học cổ đại đã nghiên cứu và đưa ra những tư tưởng khá sâu sắc về vấn đề mối quan hệ của các mặt đối lập. Ví dụ, triết lý âm dương của Trung Quốc đã khẳng định rằng, chính sự liên hệ, tác động qua lại giữa âm và dương trong thái cực là nguồn gốc, động lực của sự sinh tồn, biến hoá của vạn vật trong vũ trụ. Sự tác động qua lại đó là cội nguồn, là đạo sản sinh ra trời đất, bốn mùa cùng các yếu tố cơ bản đầu tiên của thế giới. Ở phương Tây cổ đại, triết học của Hêraclit cũng đã đề cập nhiều đến mối quan hệ của các mặt đối lập. Ông nói: "Cùng một cái ở trong chúng ta - sống và chết, thức và ngủ, trẻ và già. Vì rằng cái này biến đổi là cái kia, và ngược lại, cái kia mà biến đổi là cái này", "cái lạnh nóng lên, cái nóng lạnh đi, cái ướt khô đi, cái khô ướt lại", "cái thù địch thống nhất lại từ những điểm phân cách xuất hiện cái điều hoà đẹp đẽ nhất, và mọi vật sinh ra qua đấu tranh".

Kế thừa tư tưởng của các nhà triết học phương Tây, đặc biệt là tư tưởng biện chứng của Hêgen và vận dụng chúng vào việc nghiên cứu lĩnh vực đời sống xã hội, Ph.Ăngghen đã đưa ra những nhận định

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.20, tr.694.

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.20, tr.36, 37.

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.20, tr.701.

hết sức sâu sắc về các mâu thuẫn xã hội, về mối quan hệ giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Những tư tưởng về phép biện chứng của C.Mác và Ph.Ăngghen đã được V.I.Lênin tiếp tục phát triển. Theo ông, "*Phép biện chứng* là học thuyết vạch ra rằng những *mặt đối lập* làm thế nào mà có thể và thường là (trở thành) *đồng nhất*, - trong những điều kiện nào chúng là đồng nhất, bằng cách chuyển hoá lẫn nhau, - tại sao lý trí con người không nên xem những mặt đối lập ấy là chết, cứng đờ, mà là sinh động, có điều kiện, năng động, chuyển hoá lẫn nhau"(6). Có lẽ đây là một trong những cơ sở lý luận quan trọng nhất để sau này V.I.Lênin xây dựng chính sách kinh tế mới, đề ra chính sách tô nhượng, yêu cầu sử dụng các chuyên gia tư sản và học tập cách tổ chức quản lý kinh tế của các nhà tư bản.

Theo quan điểm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin, mâu thuẫn không phải là cái cản trở sự phát triển, cũng không phải là cái có thể gạt bỏ khỏi cuộc sống, khỏi mọi sự vật; mâu thuẫn chỉ được xoá bỏ khi nó không còn phù hợp, hoặc đã trở thành sức cản của sự phát triển. Và, mỗi mâu thuẫn đều có vai trò của nó trong từng giai đoạn phát triển của sự vật.

Soi vào lĩnh vực xã hội, ta thấy có vô vàn các mâu thuẫn khác nhau. Đặc biệt, từ khi xã hội loài người hình thành các giai cấp thì mâu thuẫn giữa các giai cấp đã tạo ra biết bao sự phức tạp của đời sống xã hội. Tuy vậy, C.Mác và Ph.Ăngghen cũng như V.I.Lênin không bao giờ xem các giai cấp xã hội là *cái bước thừa* của lịch sử và cho rằng, không thể xoá bỏ các giai cấp một cách giản đơn. Sự xuất hiện xã hội có giai cấp được nhìn nhận như một tất yếu kinh tế và vì thế, là một bước tiến của lịch sử.

Từ những tư tưởng cơ bản của Ph.Ăngghen trên đây, có thể rút ra một số kết luận sau:

1. Tư tưởng biện chứng của Ph.Ăngghen cũng như tư tưởng biện chứng nói chung

không bao giờ tuyệt đối hoá sự khác biệt giữa các mặt đối lập. Việc tuyệt đối hoá các mặt đối lập là quan điểm siêu hình, luôn bị các nhà biện chứng phê phán kịch liệt.

2. Tư tưởng biện chứng của Ph.Ăngghen nói riêng và tư tưởng biện chứng mácxít nói chung, trước sau như một, đều khẳng định rằng nguồn gốc của sự vận động và phát triển nằm ở chính bên trong sự vật, đó là sự tác động qua lại của các mặt đối lập. Trong quá trình cùng tồn tại và sự tác động qua lại giữa chúng, các mặt đối lập từ chỗ cân bằng trở nên mất cân bằng và đến một lúc nào đó, vai trò chủ đạo của một mặt đối lập sẽ giảm đi trong quá trình phát triển. Mặt đối lập khác từ vị trí phụ thuộc sẽ phát triển và chiếm giữ vị trí chủ đạo. Sự phát triển của mặt đối lập này chỉ nằm ở trong phạm vi của sự vật, do đó, nếu muốn vượt lên, nó phải chuyển hoá được mặt đối lập kia. Chính sự chuyển hoá như vậy làm cho mặt đối lập thứ hai có được sức mạnh tổng thể và sự vật mới ra đời có thể đạt tới một trình độ cao hơn sự vật cũ.

Tư tưởng biện chứng quan trọng đó giúp chúng ta có thể nhìn nhận con đường phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa một cách rõ ràng hơn.

Hiện nay, nước ta đang trong quá trình phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Việc "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa" và "bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa" theo quan điểm trước đây có những sự khác biệt quan trọng.

Cái khác là ở chỗ, khi nói "bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa" là bỏ qua cả một thời kỳ phát triển với tất cả các yếu tố từ kinh tế, chính trị đến văn hoá của nó. Còn "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa" về thực chất chỉ bỏ qua vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa, bỏ qua vai trò thống trị của giai cấp tư sản trong hệ thống chính trị và do đó, cũng bỏ qua sự

(6) V.I.Lênin. *Toàn tập*, t.29. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1981, tr.116 - 117.

thống trị của tư tưởng tư sản trong lĩnh vực văn hoá tư tưởng.

Lý thuyết phát triển bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa, giả định đã có một hoặc nhiều nước xã hội chủ nghĩa ra đời, nền văn minh tư sản đã được kế thừa để hình thành một chế độ xã hội thực sự hơn hẳn chủ nghĩa tư bản về mọi phương diện. Khi đó, nhờ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa phát triển, chúng ta có thể bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa mà không cần đến vai trò của kinh tế tư bản và giai cấp tư sản.

Lý luận bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa nảy sinh trong điều kiện chủ nghĩa xã hội chưa có hoặc không còn trong thực tế, song chủ nghĩa tư bản đang tồn tại và ngày càng chuẩn bị đầy đủ các điều kiện vật chất và tinh thần cho chủ nghĩa xã hội trong tương lai. Vì vậy, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện này là kết quả của sự tác động qua lại giữa các mặt đối lập: *một là*, sự tác động qua lại giữa các nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa và các nước tư bản chủ nghĩa trên phạm vi quốc tế và *hai là*, sự tác động qua lại giữa các thành phần kinh tế (đặc biệt là kinh tế xã hội chủ nghĩa và kinh tế tư bản chủ nghĩa), giữa các giai cấp (đặc biệt là giai cấp tư sản với giai cấp vô sản) ở trong một nước.

Chính trong quá trình này, chủ nghĩa xã hội có thể giành được thắng lợi bằng cách chuyển hoá chủ nghĩa tư bản.

Vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhấn mạnh yêu cầu phải tiếp thu những thành tựu mà loài người đã đạt được trong chủ nghĩa tư bản, thực hiện nhất quán chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và thực hiện đa phương hoá, đa dạng hoá các mối quan hệ quốc tế, chủ động hội nhập với thế giới hiện đại.

Tuy nhiên, trong việc thực hiện những tư tưởng chiến lược này thường hay nảy sinh các khuynh hướng sai lầm. *Khuynh hướng thứ nhất*: Chỉ ca ngợi một chiều,

không nhận thấy những khuyết tật, những mâu thuẫn nội tại không thể khắc phục được của chủ nghĩa tư bản; từ đó đi đến sùng bái chủ nghĩa tư bản, không thấy sự cần thiết phải phủ định nó với tư cách một chế độ xã hội. *Khuynh hướng thứ hai*: Chỉ nhìn nhận chủ nghĩa tư bản một cách đơn giản, coi nó như một cái gì đó đã lỗi thời, xấu xa nhất, hoặc bao gồm những cái "không thể chấp nhận được". Do đó, không thể phát hiện ra những yếu tố tích cực, hợp lý cần phải kế thừa của chủ nghĩa tư bản.

Cả hai khuynh hướng sai lầm đó đều trái với nguyên lý phát triển, trái với quan điểm phủ định biện chứng của chủ nghĩa Mác.

Để khắc phục những sai lầm có thể mắc phải, theo chúng tôi, cần nhận thức rõ hơn các vấn đề sau đây:

Một là, phải khẳng định chủ nghĩa tư bản đã phát triển đến đỉnh cao và chính nó đã tạo những tiền đề vật chất và tinh thần cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội trở thành một tất yếu khách quan, một xu thế không thể đảo ngược. Ngay cả sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, loài người vẫn tin tưởng rằng một xã hội "hậu tư bản", "hậu công nghiệp" sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản. Mặt khác, một thực tế rõ ràng là chủ nghĩa tư bản, dù đã cố gắng tự điều chỉnh để có thể thích ứng với điều kiện mới, song về cơ bản, nó vẫn không thể che giấu và khắc phục được những mặt trái, phản giá trị do bản chất của chủ nghĩa tư bản. Vì vậy, sớm hay muộn, chủ nghĩa tư bản cũng sẽ bị phủ định và thay thế bởi một hình thái kinh tế - xã hội mới, cao hơn - chủ nghĩa xã hội.

Hai là, mặc dù có nhiều hạn chế, song với tư cách là một giai đoạn phát triển cao của xã hội loài người, chuẩn bị những điều kiện vật chất và tinh thần cho chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản cũng chứa đựng những yếu tố tiến bộ so với các nước chưa phát triển, đặc biệt là các nước chưa qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, việc kế

thừa những thành tựu mà chủ nghĩa tư bản đạt được là một tất yếu khách quan, một biện pháp quan trọng để các nước chưa qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa có thể rút ngắn con đường phát triển của mình.

Ba là, đối với các nước chậm phát triển nhưng lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, quá trình "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa" phải bao gồm cả việc loại trừ cái xấu và kế thừa những yếu tố hợp lý, tiến bộ. Tuy nhiên, hai nhiệm vụ đó không ngang bằng nhau. Việc xoá bỏ cái cũ là hết sức quan trọng và cần thiết, nhưng điểm căn bản, cốt yếu của quá trình này lại chính là sự kế thừa, phát huy những thành tựu mà loài người đã đạt được trong chủ nghĩa tư bản để tạo dựng xã hội mới. Điều đó phù hợp với tư tưởng của V.I.Lênin cho rằng, phủ định biện chứng - đó "không phải sự phủ định sạch trơn, không phải sự phủ định không suy nghĩ, *không phải* sự phủ định *hoài nghi*, không phải sự do dự, cũng không phải sự nghi ngờ là cái *đặc trưng* và cái *bản chất* trong phép biện chứng... mà là sự phủ định coi như là vòng khâu của liên hệ, vòng khâu của sự phát triển, với sự *duy trì cái khẳng định*"(7).

Tuy vậy, thái độ do dự, thiếu dứt khoát, thiếu quyết đoán và không rõ ràng đối với chủ nghĩa tư bản hiện nay vẫn là một sức cản trong sự phát triển xã hội.

Tất nhiên, cũng phải thừa nhận rằng về mặt kinh tế, khoa học, kỹ thuật, công nghệ đã có những sự chuyển hoá thành công. Song, phải chăng chỉ ở những lĩnh vực này mới cần và có sự kế thừa, còn ở những lĩnh vực khác thì không? Trong quá trình phát triển của mình từ khi chủ nghĩa xã hội ra đời cho đến nay, không phải chủ nghĩa tư bản hoàn toàn không tiếp thu được những nhân tố hợp lý của chủ nghĩa xã hội. Chỉ ít cũng có thể nói đến ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội trong việc phát triển nền kinh tế có kế hoạch, trọng việc xác lập vai trò của nhà nước và kinh tế nhà nước. Điều

này đã giúp chủ nghĩa tư bản kéo dài sự tồn tại của nó, thậm chí có những bước phát triển mới. Đáng tiếc là, các nước xã hội chủ nghĩa trước đây đã dừng lại ở việc kế thừa những thành tựu của chủ nghĩa tư bản trong phạm vi từ thời kỳ công nghiệp trở về trước mà không có sự phát triển tiếp theo. Vì vậy, vấn đề đặt ra hiện nay là phải mở rộng việc nghiên cứu chủ nghĩa tư bản một cách thực sự có hệ thống trên tất cả các lĩnh vực, từ vật chất đến tinh thần, từ kinh tế đến chính trị, xã hội để rút ra những bài học cần thiết cho sự phát triển đất nước. Nếu không có sự nghiên cứu và học tập thực sự nghiêm túc, đồng bộ và sâu sắc thì sẽ không chuyển hoá được chủ nghĩa tư bản. Điều đó làm cho quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta lâu dài hơn và khó khăn hơn.

Tuy nhiên, muốn chuyển hoá được chủ nghĩa tư bản, chúng ta phải có lập trường cách mạng thực sự kiên định, phải có ý thức tự cường và tự tôn dân tộc, học tập và tiếp thu những tinh hoa của nhân loại để làm giàu cho đất nước; đồng thời, phải có sự sáng tạo, thông minh, biết khai thác, học hỏi những cái hay, cái tốt và tránh được những cái xấu, cái lỗi thời. Mặt khác, cũng phải luôn có tinh thần cảnh giác đối với âm mưu "diễn biến hoà bình". Đặc biệt, trong điều kiện hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá như hiện nay, quá trình chuyển hoá phải là quá trình chủ động, không thể bị rơi vào trạng thái bị động, bị chuyển hoá.

Đó là một đôi điều chúng tôi thấy cần rút ra từ việc nghiên cứu lại tư tưởng biện chứng của Ph.Ăngghen. Nói cách khác, tư tưởng biện chứng của Ph. Ăngghen vẫn giữ nguyên giá trị và ý nghĩa phương pháp luận đối với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. □

(7) V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.29, tr.245.